

**CÔNG TY TNHH MTV
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

***Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2019***



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

CH
ÔNG
KIỂM
SAC
TANG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2019 bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Trần Quốc Khải	Phó Giám đốc
- Ông Lưu Minh Hưng	Phó Giám đốc

Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần kể từ ngày 31/12/2019 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 31/12/2019 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2020 bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Dương Thành Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quốc Khải	Giám đốc
- Ông Lưu Minh Hưng	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202, đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký lần đầu ngày 20/09/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động quản lý kinh doanh, thiết kế và thi công các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng, hệ thống điện chiếu sáng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 26.

50-00
HÀNH
TY TNHH
TOÁN
VIỆT
P. CÀ MAU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.215.737.273 VND
- Lợi nhuận khác	10.327.266 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.226.064.539 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.446.602.007 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.779.462.532 VND

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Kể từ năm tài chính 2020, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn của Công ty cổ phần.

7. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Chủ tịch công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cà Mau, ngày 22 tháng 02 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Khải



Số: 10/2020/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công Ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 01 năm 2020 từ trang 6 đến trang 26 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hung Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn 4

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại điểm 5(i) và 13(l), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2015, Công ty đã nhận bàn giao công nợ phải thu từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang số tiền 38.866.162.004 đồng theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND Tỉnh Cà Mau. Cho đến thời điểm 31/12/ 2019, Công ty đã thu hồi được 1.146.415.433 đồng. Như vậy số còn phải thu hồi là 37.719.746.571 đồng. Đây là khoản công nợ quá hạn khó thu hồi mà Công ty phải nhận bàn giao theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462 -2018-107-1

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Lê Thị Hồng Phương

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3578-2016-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.798.290.013	16.422.557.605
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	8.869.418.608	4.827.762.627
1. Tiền	111		8.869.418.608	4.827.762.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	12.294.695.407	8.259.399.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10.413.921.069	7.607.181.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		615.388.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.265.386.338	652.217.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	592.463.491	3.269.774.470
1. Hàng tồn kho	141		592.463.491	3.269.774.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	41.712.507	65.621.505
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.712.507	65.621.505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.303.385.141	60.012.202.009
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	V.5	38.675.054.923	38.805.556.120
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		38.675.054.923	38.805.556.120
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		11.627.135.084	16.462.733.414
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	11.627.135.084	16.462.733.414
- Nguyên giá	222		26.380.386.333	28.084.026.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.753.251.249)	(11.621.293.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	279.668.022
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	279.668.022
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.195.134	4.464.244.453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.195.134	4.464.244.453
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.101.675.154	76.434.759.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.882.463.086	53.741.502.899
I. Nợ ngắn hạn	310		13.986.301.082	11.145.340.895
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	501.153.455	55.625.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	21.169.850	28.296.404
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	626.678.254	2.167.484.414
4. Phải trả người lao động	314		4.149.565.905	3.540.733.117
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	2.768.440.374	11.203.016
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	5.919.293.244	5.341.998.411
II. Nợ dài hạn	330		41.896.162.004	42.596.162.004
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	41.896.162.004	42.596.162.004
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.219.212.068	22.693.256.715
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	13.904.261.061	22.617.424.708
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.107.000.000	21.158.747.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		797.261.061	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	1.458.677.559
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.314.951.007	75.832.007
1. Nguồn kinh phí	431	V.15	2.314.951.007	75.832.007
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.101.675.154	76.434.759.614



Lý Kim Nguyên
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khải
Giám Đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 01 năm 2020

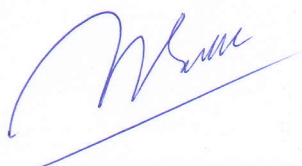
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.250.287.336	41.929.889.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	47.250.287.336	41.929.889.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	31.322.738.316	26.575.976.884
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	15.927.549.020	15.353.912.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	11.837.310	5.448.480
7. Chi phí tài chính	22		6.945.498	35.678.049
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.945.498	35.678.049
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.219.691.478	2.000.341.483
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.497.012.081	7.416.807.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.215.737.273	5.906.534.438
11. Thu nhập khác	31	VI.5	10.327.266	32.030.907
12. Chi phí khác	32		-	27.894.576
13. Lợi nhuận khác	40		10.327.266	4.136.331
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	7.226.064.539	5.910.670.769
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.446.602.007	1.193.235.879
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	5.779.462.532	4.717.434.890



Lý Kim Nguyên
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khải
Giám đốc
Cà Mau, ngày 20 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	47.379.049.670	46.701.899.992
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(11.387.793.848)	(12.353.607.789)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.235.013.391)	(22.231.739.369)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.945.498)	(35.678.049)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.008.487.447)	(722.336.243)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.869.057.415	2.554.342.147
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.495.873.476)	(11.654.517.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.113.993.425	2.258.362.984
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(84.173.000)	(84.683.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.835.556	5.448.480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.337.444)	(79.235.156)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.354.223.640	3.861.205.070
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.354.223.640)	(3.861.205.070)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.041.655.981	2.179.127.828
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.827.762.627	2.648.634.799
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.869.418.608	4.827.762.627



Lý Kim Nguyên
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Quốc Khải
Giám đốc

Cà Mau, ngày 20 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Ngày 21/08/2012, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 1201/QĐ – UBND về việc cổ phần hóa bộ phận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau. Theo Quyết định này, Công ty sẽ tiến hành cổ phần hóa bộ phận “cấp thoát nước, thi công xây dựng và công trình”. Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối là 51%.

Ngày 09/09/2013, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 1303/QĐ – UBND về việc đổi tên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau. Vốn điều lệ của Công ty (sau khi tách bộ phận doanh nghiệp được cổ phần hóa nêu trên) là 30.000.000.000 đồng và là doanh nghiệp công ích 100% vốn Nhà nước.

Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô thị Cà Mau được đổi tên từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1303/QĐ- UBND của UBND Tỉnh Cà Mau ký ngày 09/09/2013 và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 20/09/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02/01/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000.

Vốn góp của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của Công ty là 13.107.000.000.

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Kể từ năm tài chính 2020, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn của Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động quản lý kinh doanh, thiết kế và thi công các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng, hệ thống điện chiếu sáng;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7. Thông tin so sánh:

Số liệu để làm cơ sở so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2019 được bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ, căn cứ vào tuổi nợ và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài Chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 23 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09 năm

Trong năm 2019, công ty đã điều chỉnh giảm lại nguyên giá TSCĐ đối với khoản chênh lệch ghi tăng nguyên giá trong năm 2018 do đánh giá lại tài sản theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/06/2018 được Thẩm định bởi Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Đông Á cho phù hợp theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ – CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong năm 2019, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

8. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm 2019, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2019, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm tại ngày 01/01/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019		01/01/2019
Tiền mặt	189.943.592		45.883.210
Tiền gửi ngân hàng	8.679.475.016	(a)	4.781.879.417
Cộng	8.869.418.608		4.827.762.627

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND)	8.679.475.016
Cộng	8.679.475.016

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2019		01/01/2019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.413.921.069	(b)	7.607.181.009
Trả trước cho người bán ngắn hạn	615.388.000	(c)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.265.386.338	(d)	652.217.994
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-		-
Cộng	12.294.695.407		8.259.399.003

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2019 như sau:

Khách hàng	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Kho bạc Nhà nước Cà Mau	442.376.800	-
- Phòng Tài nguyên & Môi trường TP. Cà Mau	536.299.000	-
- Phải thu Phòng TCKH TP. Cà Mau	7.375.434.000	-
- Phải thu khách hàng sử dụng DVVS nội ô Thành phố Cà Mau	1.496.270.707	-
- Các khách hàng khác	563.540.562	-
Cộng	10.413.921.069	-

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lê Vy	586.888.000	-
- Các nhà cung cấp khác	28.500.000	-
Cộng	615.388.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2019 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Dư Nợ 138 – Phải thu về cổ phần hóa	564.948.902	-
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng	184.120.000	-
- Dư Nợ 244 – Ký quỹ	10.001.754	-
- Dư Nợ 338 – Các khoản phải thu người lao động	506.315.682	-
+ Các khoản phải thu người lao động	138.010.297	-
+ Phải thu phần chi hộ cho lao động dôi dư	368.305.385	-
Cộng	1.265.386.338	-

(e) Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	19.445.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	19.445.000
Số cuối năm	-	-

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	282.316.132 (f)	422.718.276
Công cụ, dụng cụ trong kho	119.145.117	69.472.005
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.633.885.631
Hàng hóa tồn kho	191.002.242 (g)	143.698.558
Cộng giá gốc hàng tồn kho	592.463.491	3.269.774.470

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2019 như sau:

	Số tiền
- Nguyên vật liệu	252.555.369
- Nhiên liệu	14.410.763
- Hóa chất	5.600.000
- Cây xanh	9.750.000
Cộng	282.316.132

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(g) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2019 như sau:

	Số tiền
- Thùng rác các loại	191.002.242
Cộng	191.002.242

4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	41.712.507 (h)	65.621.505
Cộng	41.712.507	65.621.505

(h) Số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 là giá trị bảo hộ lao động chờ phân bổ vào chi phí.

5. Các khoản phải thu dài hạn

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu dài hạn khác	38.675.054.923 (i)	38.805.556.120
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Cộng	38.675.054.923	38.805.556.120

(i) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác tại ngày 31/12/2019 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
Công nợ nhận bàn giao từ Công ty cũ	37.719.746.571	37.719.746.571
- Hồ Đại Nghĩa (*)	28.576.951.663	28.576.951.663
- Võ Hoàng An (*)	3.130.847.246	3.130.847.246
- Mai Văn Năm (*)	890.161.946	890.161.946
- Lê Văn Thế (*)	1.125.074.055	1.125.074.055
- Huỳnh Minh Thế (*)	546.692.130	546.692.130
- Châu Quốc Khải (*)	2.288.278.307	2.288.278.307
- Trần Thanh Vũ (*)	220.756.451	220.756.451
- Lâm Văn Hùng (*)	940.984.773	940.984.773
Lương trả hộ cho Ban thu hồi nợ (**)	645.496.950	-
Phải thu khác của Ban thu hồi nợ (**)	131.945.692	-
BHXH, BHYT, BHTN của Ban thu hồi nợ (**)	177.865.710	-
Cộng	38.675.054.923	37.719.746.571

(*) Các khoản nợ quá hạn thanh toán này đã được Công ty gửi hồ sơ khởi kiện.

(**) Tổng chi phí cho Ban thu hồi nợ để thực hiện công tác thu hồi nợ từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau chuyển sang không được đưa vào chi phí kinh doanh của Công ty mà tạm ứng từ tiền thu hồi công nợ theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Cà Mau.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
Nguyên giá	28.084.026.578	2.538.485.718	4.242.125.963	26.380.386.333
- Nhà cửa, vật kiến trúc	8.761.347.765	640.016.380	3.050.911.154	6.350.452.991
- PT vận tải, TB truyền dẫn	18.992.976.863	1.811.588.288	1.191.214.809	19.613.350.342
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	329.701.950	86.881.050	-	416.583.000
Hao mòn lũy kế	11.621.293.164	5.928.098.952	2.796.140.867	14.753.251.249
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.198.335.430	472.490.032	1.628.612.058	3.042.213.404
- PT vận tải, TB truyền dẫn	7.210.173.824	5.285.882.496	1.167.528.809	11.328.527.511
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	212.783.910	169.726.424	-	382.510.334
Giá trị còn lại	16.462.733.414			11.627.135.084
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.563.012.335			3.308.239.587
- PT vận tải, TB truyền dẫn	11.782.803.039			8.284.822.831
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	116.918.040			34.072.666

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
Tài sản cố định tăng do đầu tư mua sắm mới	335.516.636
- Nâng cấp cải tạo Nhà kho	335.516.636
Tài sản cố định tăng do điều chỉnh hủy khoản đánh giá lại theo Hồ sơ XĐGTDN năm 2018 theo hướng dẫn của NĐ 126/2017/NĐ - CP	2.202.969.082
Cộng	2.538.485.718

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
Tài sản cố định giảm do bàn giao không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa cho Chi nhánh Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	1.142.532.905
- Xe ép rác Kia Titan	180.000.000
- Xe rút hầm cầu	117.771.000
- Xe ép rác 5 tấn Hyundai	240.000.000
- Xe chữa cháy international	200.000.000
- Xe chở rác Iifa	404.761.905
Tài sản cố định giảm do điều chỉnh hủy khoản đánh giá lại theo Hồ sơ XĐGTDN năm 2018 theo hướng dẫn của NĐ 126/2017/NĐ - CP	3.099.593.058
Cộng	4.242.125.963

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2019	2.309.162.002
- Trích khấu hao vào chi phí kinh doanh năm 2019	2.309.162.002
Khấu hao TSCĐ tăng do hủy khoản đánh giá lại theo Hồ sơ XĐGTDN	3.618.936.950
Cộng	5.928.098.952

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
Khấu hao TSCĐ giảm do bàn giao tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa cho Chi nhánh Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	1.142.532.905
Khấu hao TSCĐ giảm do hủy khoản đánh giá lại theo Hồ sơ XĐGTDN	1.653.607.962
Cộng	2.796.140.867

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.535.912.054
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi tiết số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2019 như sau:

Công trình	31/12/2019	01/01/2019
- Công trình dự án bãi rác TP. Cà Mau (&)	-	279.668.022
Cộng	-	279.668.022

(&) Đây là khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhận bàn giao từ Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Cà Mau chuyển sang. Thực tế thì dự án này đã ngưng triển khai nên Công ty đã dùng lợi nhuận sau thuế năm 2019 để bù đắp phần thiệt hại không thể thu hồi trước khi chuyển sang cho phân hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	1.195.134	19.703.618
- Giá trị lợi thế kinh doanh theo QĐ 3132/QĐ - UBND	-	4.038.241.669
- Đánh giá lại GTCCDC theo QĐ 3132/QĐ - UBND	-	406.299.166
Cộng	1.195.134	4.464.244.453

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
- Phải trả người bán ngắn hạn	501.153.455 (j)	55.625.533
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.169.850	28.296.404
Cộng	522.323.305	83.921.937

(j) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2019 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty TNHH Môi trường xanh Cà Mau	409.705.000
- Các nhà cung cấp khác	91.448.455
Cộng	501.153.455

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp	2.167.484.414	4.134.294.877	5.675.101.037	626.678.254
- Thuế giá trị gia tăng	529.295.285	2.608.833.666	2.616.554.381	521.574.570
- Thuế TNDN	666.989.124	1.446.602.007	2.008.487.447	105.103.684
- Thuế TNCN	-	75.859.204	75.859.204	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và PN khác	971.200.005	-	971.200.005	-
Cộng	2.167.484.414	4.134.294.877	5.675.101.037	626.678.254

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
- Phải trả ngắn hạn khác	2.768.440.374 (k)	11.203.016
Cộng	2.768.440.374	11.203.016

(k) Chi tiết số dư khoản phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2019 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Tiền mua cổ phiếu ưu đãi của CBCNV	552.000.000
- Tiền thu từ bán cổ phần ra công chúng	226.080.000
- Vốn phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	1.406.053.024
- Quỹ đầu tư phát triển phải nộp về quỹ hỗ trợ quốc gia	580.079.510
- Phải trả khác	4.227.840
Cộng	2.768.440.374

12. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
- Quỹ khen thưởng CBCNV	3.807.421.864	2.089.639.864
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	250.965.000	130.113.300
- Quỹ phúc lợi	1.860.906.380	3.122.245.247
Cộng	5.919.293.244	5.341.998.411

Các Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ – CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ.

13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
- Phải trả dài hạn khác	41.896.162.004 (l)	42.596.162.004
Cộng	41.896.162.004	42.596.162.004

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(l) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2019 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Nhận bàn giao từ công ty cũ chuyển sang (*)	38.866.162.004
- Chi phí thi hành án thu hồi công nợ theo Quyết định 307/2018	3.000.000.000
- Các đối tượng khác	30.000.000
Cộng	41.896.162.004

(*) Đây là khoản hạch toán đối ứng với công nợ phải thu nhận bàn giao từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2019 của UBND Tỉnh Cà Mau.

14. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	01/01/2018	Tăng	Giảm	31/12/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.446.200.326	8.712.546.823	-	21.158.747.149
- Chênh lệch đánh giá lại TS	-	7.306.493.799	7.306.493.799	-
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.406.053.024	1.406.053.024	-
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	4.717.434.890	4.717.434.890	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.458.677.559	-	-	1.458.677.559
Cộng	13.904.877.885	22.142.528.536	13.429.981.713	22.617.424.708

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.158.747.149	2.560.584.300	10.612.331.449	13.107.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	-	580.079.510	580.079.510	-
- Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	797.261.061	-	797.261.061
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	5.779.462.532	5.779.462.532	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.458.677.559	-	1.458.677.559	-
Cộng	22.617.424.708	9.717.387.403	18.430.551.050	13.904.261.061

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.458.677.559
- Điều chỉnh hủy khoản đánh giá lại TS năm 2018 theo Hồ sơ XĐGTDN theo hướng dẫn của Nghị định 126/2017/NĐ - CP	1.101.906.741
Cộng	2.560.584.300

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	797.261.061
- Điều chỉnh hủy khoản đánh giá lại TS năm 2018 theo Hồ sơ XĐGTDN theo hướng dẫn của Nghị định 126/2017/NĐ - CP	8.408.400.540
- Chênh lệch làm tròn số cho phù hợp với vốn điều lệ khi cổ phần hóa	616.824
- Lợi nhuận 2018 nộp về Quỹ hỗ trợ Quốc gia	1.406.053.024
Cộng	10.612.331.449

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	580.079.510
Cộng	580.079.510

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển giảm trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Nộp về Quỹ hỗ trợ quốc gia	580.079.510
Cộng	580.079.510

Chi tiết Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển từ vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.061
Cộng	797.261.061

Chi tiết nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giảm trong năm 2019 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.458.677.559
Cộng	1.458.677.559

15. Nguồn kinh phí

Khoản mục	31/12/2019	01/01/2019
- Nguồn kinh phí đầu năm	75.832.007	75.832.007
- Nguồn kinh phí nhận bàn giao trong năm	2.394.000.000	-
- Chi sự nghiệp	154.881.000	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.314.951.007	75.832.007

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	26.906.854.451	15.899.568.477	11.007.285.974	40.91%
- Doanh thu DV tư	10.568.952.719	7.180.693.484	3.388.259.235	32.06%
- Doanh thu rút hầm cầu	201.084.090	158.010.766	43.073.324	21.42%
- Doanh thu khác	4.252.998.619	3.337.704.157	915.294.462	21.52%
Doanh thu thuần	41.929.889.879	26.575.976.884	15.353.912.995	36.62%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	29.687.332.635	19.151.678.792	10.535.653.843	35,49%
- Doanh thu DV tư	10.949.704.541	7.376.287.201	3.573.417.340	32,63%
- Doanh thu rút hầm cầu	547.014.545	378.952.425	168.062.120	30,72%
- Doanh thu khác	6.066.235.615	4.415.819.898	1.650.415.717	27,21%
Doanh thu thuần	47.250.287.336	31.322.738.316	15.927.549.020	33,71%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.837.310	5.448.480
Cộng	11.837.310	5.448.480

3. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	547.086.200	969.287.123
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	77.000.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	39.941.742	57.549.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.663.536	51.204.600
- Chi phí khác	-	922.300.760
Cộng	1.219.691.478	2.000.341.483

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.264.802.813	4.692.315.804
- Chi phí đồ dùng văn phòng	102.659.725	108.195.681
- Chi phí khấu hao TSCĐ	256.225.150	350.270.424
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng và xóa nợ khó đòi	-	42.126.160
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.030.365	227.608.817
- Chi phí khác	918.294.028	1.993.290.619
Cộng	7.497.012.081	7.416.807.505

5. Thu nhập khác

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	10.327.266	32.030.907
Cộng	10.327.266	32.030.907

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên vật liệu	4.620.352.001	4.580.435.886
- Chi phí nhân công	19.092.611.764	17.975.227.830
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.012.995.110	2.084.717.907
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.477.120	475.689.088
- Chi phí bằng tiền khác	2.345.416.690	2.035.629.072
- Chi phí bán hàng	1.219.691.478	2.000.341.483
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.497.012.081	7.416.807.505
Cộng	37.405.556.244	36.568.848.771

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.446.602.007	1.193.235.879
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.446.602.007	1.193.235.879

8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDNHL	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019	7.226.064.539
Cộng các khoản chi không được trừ	6.945.498
- Chi phí lãi vay do chưa góp đủ vốn điều lệ	6.945.498
Lợi nhuận tính thuế năm 2019	7.233.010.037
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.446.602.007
Lợi nhuận sau thuế	5.779.462.532
- Chi bù đắp chi phí XDCB thuộc giai đoạn trước cổ phần hóa	279.668.022
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	580.079.510
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	250.965.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của CBCNV	4.668.750.000
- Lợi nhuận còn lại điều chuyển nộp Ngân sách	-
Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2019	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo Quyết định số 806/QĐ – UBND ngày 17/05/2018 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 31/12/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp. Nhà nước nắm giữ 91,88% vốn điều lệ tại công ty cổ phần theo Quyết định số 1359/QĐ – UBND ngày 13/08/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Kể từ năm tài chính 2020, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức sở hữu vốn của Công ty cổ phần.

3. **Thông tin về các bên liên quan:** không có

4. **Thông tin so sánh:** Số liệu để làm cơ sở so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

5. **Thông tin về hoạt động liên tục:** Như đã nêu ở mục VIII.2 nêu trên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. **Thay đổi chính sách kế toán:** Kể từ năm 2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
7. **Những thông tin khác:** không có

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cà Mau, ngày 20 tháng 01 năm 2020
GIÁM ĐỐC



LÝ KIM NGUYÊN



NGUYỄN QUỐC TUẤN



Trần Quốc Khải

